

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai căn cứ Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay tại Điều 1, rà soát, cân đối khả năng nguồn vốn của Quỹ, thực hiện đầu tư, cho vay có thứ tự ưu tiên, bảo đảm phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính phối hợp với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ đầu tư, cho vay trên địa bàn tỉnh theo Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai; Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- PVPTH;
- Lưu: VT, T5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Lĩnh vực đầu tư, cho vay
I	Công nghiệp, nông nghiệp
1	Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, làng nghề, cơ sở sản xuất nông – công nghiệp;
2	Các dự án sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới, công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp xanh; công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo;
3	Các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường xã hội, quản trị; dự án khởi nghiệp;
4	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu; các dự án thuộc chương trình OCOP; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
5	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến gia cầm, gia súc tập trung;
6	Xây dựng, nâng cấp mở rộng cảng cá, các dịch vụ hậu cần nghề cá.
II	Giao thông, năng lượng, môi trường
1	Kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện vận tải công cộng (bến xe, nhà ga, xe, điểm trung chuyển, trạm dừng chân, trạm cấp điện cho phương tiện vận tải sử dụng năng lượng điện); cảng biển và dịch vụ cảng biển;
2	Xây dựng hệ thống điện, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới); sản xuất sản phẩm năng lượng sinh học;
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước; xử lý nước thải, rác thải, khí thải; đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải; đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
III	Thương mại, dịch vụ, du lịch
1	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo trung tâm thương mại, khu phức hợp, chợ, siêu thị;
2	Logistics (kho bãi, vận tải và dịch vụ hậu cần cảng biển; khu logistics tập trung);
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp khu du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí; Xây dựng hạ tầng dịch vụ - du lịch, bến tàu du lịch, tàu du lịch; Các dự án phát triển du lịch xanh, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá.
IV	Giáo dục, y tế, văn hóa và hạ tầng xã hội khác
1	Xây dựng, mua sắm trang thiết bị các cơ sở giáo dục – đào tạo; cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức khoa học, công nghệ;
2	Xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng, phục hồi chức năng; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ khám chữa bệnh;
3	Xây dựng cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh, kho dược phẩm;
4	Đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, khu văn hóa đa năng, thể dục thể thao;
5	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên, trung tâm dưỡng lão, tâm thần, người khuyết tật, trẻ mồ côi);
6	Đầu tư mới, hiện đại hóa các khu nghĩa trang có thu hồi vốn.